TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Trình.

2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST-DS ngày 04/6/2020 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thúc T, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Quý H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số XX, đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018), ông H có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Thiên C và bà Võ Thị C1. Địa chỉ: Số nhà 9/54 D, tổ A, khu vực A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, ông C có mặt, bà C1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ liên lạc: Nhà bà Nguyễn Thị Vui tại hẻm 01 kiệt 50, đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà T1 ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng. Ông H có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị L, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số nhà AA đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Hồ Thiên L2, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số nhà CC, đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Hồ Thiên T2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ A, đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Hồ Thị Phương T3, sinh năm 1987. Địa chỉ: Phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị C3, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà SS đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Hồ Thiên H4, sinh năm 1992. Địa chỉ: EE đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Thúc T và người đại diện theo ủy quyền, ông Quý H trình bày như sau:

Nguồn gốc thửa đất ông T đang quản lý sử dụng là thửa đất AB, tờ bản đồ số D, diện tích 440 m^2, nay là thửa đất số BC, tờ bản đồ số HH, diện tích 433,7m^2 tọa lạc tại: Số ACB đường D, tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A103074 cho ông Lê Thúc D1. Ông Lê Thúc T được thừa kế riêng thửa đất này từ ông D1(cha của ông T), không phải là tài sản chung của vợ chồng ông T với bà Nguyễn Thị T1.

Vào tháng 8 năm 2018, vợ chồng ông C và bà C1 đã đặt ống thoát nước nằm giữa hai thửa đất và xây dựng nhà ở vào tháng 9 năm 2018 và tuyên bố phần đất trên ống bi nước là của vợ chồng ông C bà C1.

Do nghi ngờ ông C lấn chiếm qua phần đất của ông T nên ông T đã yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H giải quyết. Ông T và ông C thỏa thuận thuê cán bộ phòng kỹ thuật của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thừa Thiên Huế về đo đạc thì thể hiện vợ chồng ông C và bà C1 đã đặt ống bi nước trên phần đất của ông T, phần đất của ông T cách bi thoát nước 2,3m (phần đầu), 0,77 m (phần sau). Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã hòa giải tranh chấp đất đai nhưng không thành. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thiên C và bà Võ Thị C1 trả lại cho ông T quyền sử dụng đất khoảng 30m^2 đã lấn chiếm.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 18/11/2021, các biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Hồ Thiên C trình bày:

Vợ chồng ông đang quản lý thửa đất số CC, tờ bản đồ số HH, diện tích 587m^2, tọa lạc tại: Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giáp ranh với thửa đất của ông Lê Thúc T. Nguồn gốc thửa đất này là do cha ông C là ôong Hồ Thiên L để lại. Ông Hồ Thiên L đã được Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Ông L có vợ là bà Phạm Thị C5 (đã chết) và 06 người con là: Ông Hồ Thiên L2; bà Hồ Thị L; ông Hồ Thiên L2 (đã chết) có con trai là Hồ

Thiên T2, con gái là Hồ Thị Phương T3 và vợ là Nguyễn Thị H1; bà Hồ Thị C3; ông Hồ Thiên Hòa (đã chết) có con trai là Hồ Thiên H4 (vợ ông Hòa đã ly hôn) và ông Hồ Thiên C.

Quá trình sử dụng giữa hai thửa đất có 01 cái mương nước và một bờ tre thuộc phần đất của vợ chồng ông. Thửa đất này vợ chồng ông C sử dụng trên 30 năm, không có tranh chấp và không ai có ý kiến gì về việc lấn chiếm đất. Vào năm 2018, vợ chồng ông C có đặt một dãy ống bi thoát nước trên phần đất của cái mương nước, không liên quan gì đến phần đất của ông T, phần đất của ông T đã xây dựng thành kiên cố nên không thể lấn chiếm được. Hơn nữa qua đo đạc, diện tích thửa đất của ông bị giảm so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên không có chuyện ông lấn chiếm đất của ông T. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu của Thương về việc buộc ông phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 30m^2 cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số BC, tờ bản đồ số HH, diện tích 433,7 m^2 (Số thửa đất cũ là số 420, tờ bản đồ số D, diện tích 440 m^2) tọa lạc tại: Số ACB đường D, Tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A103074 đứng tên của ông Lê Thúc D1 để lại là do ông Lê Thúc T thừa kế riêng từ ông Lê Thúc D1. Bà T1 đề nghị không triệu tập bà tham gia tố tụng. Bà đồng ý với các ý kiến của ông T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị L, ông Hồ Thiên L2, Nguyễn Thị H1, anh Hồ Thiên T2, chị Hồ Thị Phương T3, bà Hồ Thị C3, anh Hồ Thiên H4 trình bày: Nguồn gốc thửa đất mà ông C đang quản lý sử dụng là của ông Hồ Thiên L. Ông Hồ Thiên L có các người thừa kế như ông C trình bày; đồng ý với ý kiến trình bày của ông C về nguồn gốc đất và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T như sau:

Nguồn gốc thửa đất ông Lê Thúc T đang quản lý sử dụng là của ông Lê Thúc D1 kê khai đăng ký theo bản đồ 299, số thửa 420, tờ bản đồ số D, diện tích 440m^2. Ông D1đã được Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ 2004 và 2017 thì thửa đất này có số thửa là 127, tờ bản đồ số 18, diện tích là 433,7m^2, người đứng tên kê khai là ông Lê Thúc T và bà Nguyễn Thị T1.

Nguồn gốc thửa đất ông Hồ Thiên C đang quản lý sử dụng là của ông Hồ Thiên L kê khai đăng ký theo bản đồ 299, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 4, diện tích là 857m^2. Theo bản đồ năm 2004, thửa đất này do ông Hồ Thiên L kê khai, số thửa là 128, tờ bản đồ số 18, diện tích 831,1m^2. Theo bản đồ năm 2017, thửa đất này do ông Hồ Thiên Chống (tức Chóng) và bà Võ Thị C1 đứng tên kê khai số thửa là 128, tờ bản đồ số 18, diện tích 832,1m^2.

Hai thửa đất trên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thúc D1 và Hồ Thiên L. Hai thửa đất có diện tích khác nhau qua các thời kỳ là do khi thực hiện việc đo đạc bản đồ 299 được thực hiện bằng việc đo sào, đo thước dây nên diện tích không chính xác. Đối với bản đồ 2004 và 2017 được đo theo hệ tọa độ VN2000 nên diện tích đảm bảo chính xác. Quá trình lập các bản đồ đều được các bên

xác định vị trí ranh giới, không có tranh chấp. Chỉ đến khi ông Hồ Thiên C dỡ bỏ hàng tre giữa 02 nhà và đặt ống thoát nước thì các bên mới phát sinh tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H đo đạc phần đất đang có tranh chấp. Kết quả: Phần đất đang có tranh chấp có diện tích 33,9m^2, trị giá 33,9m^2 x 11.250.000đ = 38.137.500đ.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối chất và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là ông C phải trả phần diện tích đất lấn chiếm là 33,9m^2 (phù hợp với kết quả đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H lập ngày 15/7/2022).

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và giá trị tài sản của Hội đồng định giá, không đề nghị Tòa án đưa thêm ai vào tham gia tố tụng, không nộp bổ sung tài liệu chứng cứ gì thêm. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả lại phần đất tranh chấp, tháo dỡ các ống thoát nước khỏi phần đất lấn chiếm, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ là 2.000.000đ; phía bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông Hồ Thiên L để xem xét, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Các đương sự cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại phần diện tích đất đang tranh chấp cho nguyên đơn, đối với ống thoát nước đề nghị tháo dỡ để trả lại phần đất, đối với sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ bị đơn chi phí tháo dỡ ống thoát nước là 2.000.000đ, cần ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa 02 thửa đất tọa lạc tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình sử dụng đất của ông Lê Thúc T: Nguyên đây là thửa đất AB, tờ bản đồ số D, diện tích 440m^2 được Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A103074 cho ông Lê Thúc D1. Ngày 25/8/2004, căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 27/01TP/CC-SCT/HĐGD ngày 16/02/2004, Trưởng phòng tư pháp huyện Hương Thủy, ông Lê Thúc T nhận thừa kế quyền sử dụng đất do ông Lê Thúc D1 để lại. Do đó, ông Lê Thúc T có quyền sử dụng đối với thửa đất trên. Quá trình sử dụng, ông T có kê khai trên bản đồ địa chính qua các năm 2004 và 2017 thì thửa đất này có số thửa là 127, tờ bản đồ số 18, diện tích là 433,7m^2 tọa lạc tại: Số ACB đường D, tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nguồn gốc thửa đất ông Hồ Thiên C đang quản lý sử dụng là của ông Hồ Thiên L kê khai đăng ký theo bản đồ 299, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 4, diện tích là 857m^2. Theo bản đồ năm 2004, thửa đất này do ông Hồ Thiên L kê khai, số thửa là 128, tờ bản đồ số 18, diện tích 831,1m^2. Theo bản đồ năm 2017, thửa đất này do ông Hồ Thiên Chống (tức Chóng) và bà Võ Thị C1 đứng tên kê khai số thửa là 128, tờ bản đồ số 18, diện tích 832,1m^2.

Như vậy cả 02 thửa đất đều có đăng ký kê khai qua các thời kỳ và đều được Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên bản đồ 299. Ông T và ông C đều không có ý kiến gì về việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Quá trình sử dụng, các bên đều kê khai đăng ký trong sổ địa chính và việc lập bản đồ vào các năm 2004, 2017 được lập trước khi các không có tranh chấp. Chỉ đến khi ông Hồ Thiên C làm ống thoát nước và xây nhà vào năm 2018 mới xảy ra tranh chấp.

Theo bản đồ được lập năm 2004 và năm 2017, cả 02 thửa đất đều có biến động giảm về diện tích so với bản đồ 299. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T thì biến động giảm là do: Theo bản đồ địa chính 299, việc đo vẽ dựa trên thước dây, sào nên kích thước các cạnh chưa có sự chính xác. Chỉ đến khi lập bản đồ năm 2004 và năm 2017 sử dụng hệ tọa độ VN2000 thì mới có diện tích chính xác hơn và định vị được trên bản đồ.

Do đó, việc ông Hồ Thiên C cho rằng, diện tích đất của ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 857m^2 nhưng nay qua đo đạc lại chỉ còn 835,6m^2 nên phần diện tích đang tranh chấp thuộc phần đất của ông là không có căn cứ vì cả 02 thửa đất đều có biến động giảm như đã phân tích ở trên.

Ông C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho ông Hồ Thiên L để xác định phần đất tranh chấp là của ông. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Thiên L dựa trên bản đồ 299, không có chiều dài cụ thể các cạnh, không có tọa độ để định vị chính xác vị trí thửa đất. Quá trình sử dụng đã có kê khai theo bản đồ năm 2004 và năm 2017, các bên không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào bản đồ 2004 và 2017 để xác định vị trí thửa đất đang tranh chấp là đảm bảo đúng quy định.

Kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Hương Thủy cho thấy: Phần đất đang tranh chấp có diện tích 33,9m^2 có vị trí thuộc

thửa đất số BC, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại: Số ACB đường D, tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Thúc T.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thúc T là có căn cứ, cần chấp nhận.

Phía dưới phần đất đang tranh chấp có ống thoát nước do ông Hồ Thiên C làm vào năm 2018, Hội đồng xét xử xét thấy: Do đã xác định đây là phần đất thuộc quyền sử dụng của ông T, do đó, cần buộc ông C tháo dỡ ống thoát nước khỏi phần đất của ông T. Ông T tự nguyện hỗ trợ ông C số tiền 2.000.000đ để tháo dỡ phần ống thoát nước, điều này là phù hợp nên cần ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, bản vẽ là 9.262.000đ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu chi phí này. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý chịu ½ chi phí tố tụng. Do nguyên đơn đã nộp đủ nên cần buộc bị đơn là ông Hồ Thiên C phải trả lại ½ chi phí định giá cho ông T.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thúc T, buộc ông Hồ Thiên C và bà Võ Thị C1 phải trả cho ông Lê Thúc T phần đất có diện tích 33,9m^2 thuộc thửa đất số BC, tờ bản đồ số 18, diện tích là 433,7m^2 tọa lạc tại: Số ACB đường D, tổ A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Hồ Thiên C phải tháo dỡ đường ống thoát nước trong phần đất tranh chấp.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thúc T hỗ trợ cho ông Hồ Thiên C số tiền 2.000.000đ để ông C tháo dỡ phần ống thoát nước

2. Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 9.262.000đ. Ông Lê Thúc T đã nộp đủ và thuận chịu ½ chi phí. Buộc bị đơn là ông Hồ Thiên C phải trả lại cho ông Lê Thúc T số tiền (9.262.000đ : 2) = 4.631.000đồng.

3. Về án phí:

Buộc ông Hồ Thiên C phải chịu 1.906.875đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã H;
- THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Thảo